

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 22
H: 01

51

C. Văn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 23

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030163	Trần Văn	An	20/08/2005	CCQ2303E	1001	<i>CV</i>	6,1	<i>g</i>	7,1	6,6	6,3	6,5	
2	2123110520	Nguyễn Lê Kim	Anh	18/06/2005	CCQ2311M	1004	<i>Allin</i>	6,0	<i>Alin</i>	8,5	7,3	8,5	7,8	
3	2121270120	Nguyễn Tấn	Anh	28/04/2003	CCQ2127D						/	0	/	
4	2123260179	Thành Thị Lan	Anh	16/08/2005	CCQ2326E						/	8,1	/	
5	2121120450	Nguyễn Võ Gia	Bảo	03/10/2003	CCQ2112M	1002	<i>Bao</i>	8,5	<i>Bao</i>	9,1	8,8	6,4	7,8	
6	2123030080	Nguyễn Thái	Bình	31/03/2005	CCQ2303C	1001	<i>Bis</i>	3,1	<i>Bis</i>	2,4	2,8	6,7	4,4	
7	2123110500	Trương Thị Kim	Cúc	04/05/2005	CCQ2311M	1002	<i>ku</i>	6,1	<i>ku</i>	7,4	6,8	8,9	7,6	
8	2121170160	Phạm Hữu	Cuộc	29/03/2003	CCQ2117E	1002	<i>Cu</i>	4,1	<i>Cu</i>	5,0	4,6	7,3	5,7	
9	2123030165	Trần Văn	Đài	01/06/2005	CCQ2303E	1003	<i>Đai</i>	8,4	<i>Đai</i>	8,7	8,6	8,2	8,4	
10	2123110052	Huỳnh Văn	Định	07/07/2005	CCQ2311B	1002	<i>Đinh</i>	6,4	<i>Đinh</i>	8,0	7,2	8,3	7,6	
11	2123110515	Lê Quý	Đón	24/06/2005	CCQ2311M	1003	<i>Dz</i>	7,7	<i>Dz</i>	8,3	8,0	9	8,4	
12	2123110029	Bùi Thanh	Đông	02/01/2005	CCQ2311A	1004	<i>Bz</i>	6,0	<i>Bz</i>	3,3	4,7	5,7	5,1	
13	2121030142	Ngô Tiến	Dũng	16/07/2003	CCQ2103C						/	0	/	
14	2123110108	Nguyễn Ngọc	Duy	21/08/2004	CCQ2311D	1003	<i>Puy</i>	4,3	<i>Puy</i>	5,2	4,8	8,1	6,1	
15	2123030240	Nguyễn Văn	Hiệp	17/02/2005	CCQ2303G	1003	<i>Mhup</i>	7,4	<i>Mhup</i>	8,6	8,0	9,4	8,6	
16	2123030166	Nguyễn Hiệp	Hung	15/05/2005	CCQ2303E	1002	<i>H ung</i>	4,8	<i>H ung</i>	8,0	6,4	7,5	6,8	
17	2123110060	Tô Văn	Hưng	21/02/2005	CCQ2311B	1003	<i>H ung</i>	6,8	<i>H ung</i>	8,4	7,6	7,8	7,7	
18	2121110027	Chamalca	Khái	03/04/2003	CCQ2111A	1002	<i>Kh</i>	6,8	<i>Kh</i>	7,0	6,9	8,5	7,5	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D6-33 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123110513	Nguyễn Văn	Khan	22/10/2004	CCQ2311M	1001	Khan	7,5	Khan	8,2	7,9	9,2	8,4	
20	2123030152	Nguyễn Minh	Khiêm	18/05/2005	CCQ2303E	1004	Khiem	5,6	Khiem	7,6	6,6	6,7	6,6	
21	2120090010	Nguyễn Minh	Khôi	16/12/2002	CCQ2009A	1004	Khoi	3,4	Khoi	6,0	4,7	5,9	5,2	
22	2123110087	Nguyễn Đức	La	17/07/2005	CCQ2311C						/	0	/	
23	2121190040	Phạm Văn	Lộ	28/02/2003	CCQ2119B						/	0	/	
24	2121110107	Phạm Phi	Long	30/07/2003	CCQ2111D	1004	Long	4,5	Long	4,0	4,3	6,4	5,1	
25	2123030239	Lê Minh	Luân	01/12/2005	CCQ2303G	1001	Luân	7,7	Luân	8,7	8,2	9,4	8,7	
26	2121110246	Trần Văn	Lý	20/01/2003	CCQ2111H	1004	Ly	4,0	Ly	5,5	4,8	7,1	5,7	
27	2120170016	Trần Thiện	Mỹ	15/08/2001	CCQ2017A						/	2,1	/	
28	2121110371	Lê Tuấn Minh	Nhật	19/11/2003	CCQ2111H	1002	Nhat	2,7	Nhat	7,5	5,1	6,7	5,7	
29	2122260022	Trần Thị Hồng	Nhung	30/01/2004	CCQ2226A	1003	Nhung	3,8	Nhung	6,7	5,3	6,6	5,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: 106-35

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Vũ Thị Huyền

Phạm Thị Thanh Thủy
Phạm Thị Thanh Thủy

Trần Thị Di Hương
Nguyễn Văn

Trần Thị Thu

52

C. Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110075	Phạm Hoài	An	18/04/2005	CCQ2311C							0	Cấm thi	
2	2122120103	Cao Thị Lan	Anh	23/09/2004	CCQ2212C	1002		7.1		3.1	5.1	5.6	5.3	
3	2123030009	Nguyễn Tuấn	Anh	07/11/2005	CCQ2303A	1003		6.0		4.6	5.3	8.4	6.5	
4	2123030047	Lê Văn	Bảo	07/08/2005	CCQ2303B	1004		5.1		2.0	3.6	4.3	3.9	
5	2123140028	Lê Văn	Cửa	01/12/2004	CCQ2314A	1001		7.8		6.2	7.0	8.8	7.7	
6	2123030149	Mai Danh	Đạt	04/09/2005	CCQ2303E	1002		9.2		6.0	7.6	6.7	7.2	
7	2123030065	Nguyễn Phước	Đạt	25/12/2005	CCQ2303B	1003		6.1		3.0	4.6	7.4	5.7	
8	2123030150	Nguyễn Thành	Đạt	01/05/2005	CCQ2303E							0	Cấm thi	
9	2123030039	Nguyễn Nhật	Đoàn	28/07/2004	CCQ2303B	1001		5.2		3.8	4.5	4.7	4.6	
10	2123030018	Từ Quốc	Du	12/10/2005	CCQ2303A	1004		5.5		3.2	4.4	8.8	6.2	
11	2123030007	Búi Cao Nguyên	Dũ	11/11/2004	CCQ2303A	1003		5.1		3.0	4.1	5.6	4.7	
12	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A							0	Cấm thi	
13	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A	1001		7.9		8.3	8.1	9.5	8.7	
14	2123030194	Lạng Tiến	Dũng	06/08/2005	CCQ2303F	1004		4.3			0.0	4.5	1.8	
15	2123140116	Nguyễn Tấn	Dũng	01/01/2005	CCQ2314A	1003		3.9			0.0	6.6	2.6	
16	2123030148	Đổng Đại	Dương	14/04/2005	CCQ2303E	1004		5.4			0.0	7.7	3.1	
17	2122210028	Phạm Quốc	Dương	25/10/2002	CCQ2221A	1001		7.8		7.1	7.5	6.2	7.0	
18	2123100504	Đặng Thị Tường	Duy	25/01/2005	CCQ2310C	1002		4.8		3.2	4.0	8.4	5.8	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

52

C. Trường

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Vũ Thị Hương

Phạm Uy
Phạm Tuấn

Đỗ Thị Thanh Châu

Trần Thị Ái Hương

Nguyễn Thị Loan

Phạm Thị Pháo

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 2

Số bài thi: 2

Số tờ giấy thi: 2

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D6-35 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A	1003		4,6		4,9	4,8	8,7	6,4	
20	2123140019	Nguyễn Xuân	Giang	05/12/2005	CCQ2314A							2,6	1,0	
21	2123030015	Mai Xuân	Hào	05/11/2005	CCQ2303A	1001	Hào	5,6	Hào	3,2	4,4	8,7	6,1	
22	2123030153	Trần Anh	Hào	21/06/2005	CCQ2303E						0,0	4	1,6	
23	2122120136	Trương Thị Ngọc	Hiếu	28/10/2004	CCQ2212D	1003	Ngọc	4,1	Ngọc	2,2	3,2	6	4,3	
24	2123030068	Cao Đức	Hoàng	22/08/2001	CCQ2303B	1002	Hoàng	3,9	Hoàng	1,0	2,5	8,1	4,7	
25	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A	1001	Hoành	7,1	Hoành	7,3	7,2	7,8	7,4	
26	2123140023	Lý Văn	Hợp	16/01/2005	CCQ2314A	1004	Hợp	4,6	Hợp	3,6	4,1	7,4	5,4	
27	2123140015	Lê Văn	Huy	09/01/2005	CCQ2314A						0,0	4,1	1,6	
28	2121170178	Long Hoàng	Huy	06/05/2003	CCQ2117F						0,0	2,3	0,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

H: 4
D: 20

53

C. Thủy

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400412)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A205

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170410	Đoàn Trí	Cường	25/03/2005	CCQ2317L	221002		3,2		4,3	3,8	8,7	5,8	
2	2121170147	Phạm Tuấn	Đạt	01/11/2003	CCQ2117E	1003		3,1		0	1,6	7,7	4,0	
3	2123170540	Phạm Đăng	Dương	17/10/2005	CCQ2317P	1004		3,0		1,0	2,0	7,3	4,1	
4	2123170420	Phạm Tiến	Dương	11/02/2005	CCQ2317L	1001		4,6		2,1	3,4	7,4	5,0	
5	2123170557	Huỳnh Minh	Dương	27/09/2005	CCQ2317P	1002		7,3		4,0	5,7	8,3	6,7	
6	2123170569	Phạm Phúc	Duy	26/12/2005	CCQ2317P	1003		6,6		3,1	4,9	8	6,1	
7	2123170411	Nguyễn Sỹ	Giáp	06/01/2005	CCQ2317L	1004		4,3		3,7	4,0	8,9	6,0	
8	2123170437	Đặng Ngọc	Hiền	13/08/2005	CCQ2317M	1001		4,5		6,6	5,6	8,1	6,6	
9	2123170381	Trần Hoàng Trọng	Hiếu	31/10/2005	CCQ2317K	1002		5,8		4,0	4,9	7,3	5,9	
10	2123170372	Nguyễn Quang	Hoài	11/12/2005	CCQ2317K	1003		4,8		4,1	4,5	7,1	5,5	
11	2123170559	Cao Khả	Hoàn	25/07/2005	CCQ2317P	1004		2,5		3,3	2,9	7,1	4,6	
12	2123170417	Dương Văn	Hợp	12/04/2005	CCQ2317L	1001		5,5		3,6	4,6	8,3	6,1	
13	2123170564	Nguyễn Ngọc	Hùng	23/11/2004	CCQ2317P	1002		7,5		3,1	5,3	8,7	6,7	
14	2123170472	Trịnh Chí	Hướng	26/09/2005	CCQ2317N	1003		8,1		4,6	6,4	8,5	7,2	
15	2123170567	Đặng Lê Minh	Huy	09/04/2005	CCQ2317P	1004		5,2		5,9	5,6	8,1	6,6	
16	2123170542	Nguyễn Văn	Huy	06/11/2005	CCQ2317P	1001		4,7		3,6	4,2	7	5,3	
17	2123170357	Đào Trung	Khánh	11/11/2005	CCQ2317K	1002		5,5		3,4	4,5	7,3	5,6	
18	2123170435	Lâu Phùng	Khin	14/03/2005	CCQ2317M	1003		3,7		6,1	4,9	8,4	6,3	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400412)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123170401	Nguyễn Minh	Khôi	28/01/2005	CCQ2317K	1004		4,3		3,8	4,1	7,7	5,5	
20	2123170356	Nguyễn Quốc	Kiệt	21/03/2005	CCQ2317K	1001		4,7		0	2,4	8,9	5,0	
21	2123170538	Vũ Quang	Nam	24/12/2005	CCQ2317P	1002		6,1	Nam	4,6	5,4	7,9	6,4	
22	2123170355	Quách Văn	Nhân	23/09/2005	CCQ2317K	1003	Nhân	4,4	Nhân	0	2,2	7,3	4,2	
23	2123170353	Nguyễn Văn	Nhật	23/06/2005	CCQ2317K	1004		6,8		7,1	7,0	7,9	7,4	
24	2123170433	Nguyễn Thanh	Quân	31/03/2005	CCQ2317M	1001	Quân	4,7	Quân	3,0	3,9	8,1	5,6	

53

C. Thủy

✓ Ms. Trần Thị Di Hương

✓ BTT Thủy

✓ Cái Minh Thuận

✓ Thaslocu

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

H: 23
H 2

54

T. Thuận

Môn học: Anh văn 2 (22400413)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 25

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170509	Lê Đức	Anh	05/09/2005	CCQ23170	1002		3,5		5,5	4,5	6,8	5,4	
2	2123180011	Trần Tấn	Bảo	02/04/2005	CCQ2318A	1001		6,1		6,0	6,1	7,6	6,7	
3	2123050216	Nai Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	1009		6,2		5,0	5,6	8,3	6,7	
4	2123040030	Trần Hải	Đang	17/04/2005	CCQ2304A	1003		6,7		6,3	6,5	9,2	7,6	
5	2123040003	Trần Hoàng	Danh	24/04/2005	CCQ2304A	1002		5,7		8,3	7,0	8,7	7,7	
6	2123170530	Đỗ Tấn	Định	22/08/2005	CCQ23170	1001		6,4		7,1	6,8	7,7	7,2	
7	2123040025	Nguyễn Công	Đoàn	29/07/2005	CCQ2304A	1084		8,4		7,4	7,9	9,7	8,6	
8	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	1003		4,0		3,2	3,6	6,3	4,7	
9	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1002		7,6		4,4	6,0	7	6,4	
10	2123170521	Hồ Bá	Dũng	10/03/2005	CCQ23170	101		3,2		5,5	4,4	5,5	4,8	
11	2123170524	Nguyễn Trung	Dũng	03/01/2005	CCQ23170	1004		4,7		4,9	4,8	7,3	5,8	
12	2123040028	Hồ Thanh	Duy	26/10/2005	CCQ2304A	1003		5,5		4,0	4,8	7,1	5,7	
13	2123040002	Nguyễn Văn	Hải	03/05/2002	CCQ2304A	1002		8,5		6,6	7,6	9	8,2	
14	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	1001		4,8		3,7	4,3	6,9	5,3	
15	2123170518	Trần Văn	Hậu	16/03/2005	CCQ23170	1003		3,1		7,1	5,1	7,2	5,9	
16	2123040017	Huỳnh Ngọc	Hồ	27/07/2005	CCQ2304A	1004		5,8		5,1	5,5	6,8	6,0	
17	2123040014	Nguyễn Văn	Hoàng	22/11/2005	CCQ2304A	1002		6,3		8,2	7,3	10	8,4	
18	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	1001		4,4		5,4	4,9	7,7	6,0	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

54

T. Thuận

Môn học: Anh văn 2 (22400413)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123170510	Trần Phúc	Kha	03/03/2005	CCQ2317O	1004	Kha	5,1	Kha	7,1	6,1	8,5	7,1	
20	2123040018	Nguyễn Hoàng	Khang	18/04/2005	CCQ2304A	1003	Hoàng	9,2	Hoàng	8,5	8,9	10	9,3	
21	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	1002	Ngọc	7,2	Ngọc	8,7	8,0	9	8,4	
22	2123180022	Hồ Trọng	Kiến	09/11/2005	CCQ2318A	1001	Trọng	4,5	Trọng	3,4	4,0	6,5	5,0	
23	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	1004	Đăng	6,3	Đăng	4,0	5,2	6,3	5,6	
24	2123180129	Dương Nhật	Nguyễn	15/09/2004	CCQ2318A	1003	Nguyệt	3,6	Nguyệt	4,8	4,2	5,3	4,6	
25	2123170529	Hoàng Đình	Nguyễn	24/08/2005	CCQ2317O	1002	Đình	6,7	Đình	6,0	6,1	9,3	7,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ I (2024-2025)

Đ: 18
H: 06

Cán bộ coi thi 1

Thùy Vân
Lê Phan

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị
Mỹ Nhung

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Nguyễn Thị Thanh Vân

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Nguyễn Văn Tuấn

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Phạm Thị Hòa

55

C. Châu

Môn học: Anh văn 2 (22400414)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-29

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110318	Lê Bảo Trâm	Anh	09/09/2005	CCQ2311I	003		7,5		6,9	7,2	8,3	7,6	
2	2123110249	Hoàng Đình	Bảo	14/04/2005	CCQ2311G	004		5,8		6,0	5,9	6,5	6,1	
3	2123170589	Trần Phương	Bình	10/10/2005	CCQ2317Q	001	Bình	7,7	Bình	7,0	7,4	8,6	7,9	
4	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	002		3,5		3,0	3,3	6,4	4,5	
5	2123230028	Hoàng Mạnh	Cường	17/09/2005	CCQ2323A	002	Cường	5,6		5,5	5,6	7,6	6,4	
6	2123170599	Nguyễn Đức	Đạt	05/10/2004	CCQ2317Q	004		4,5		4,0	4,3	7,5	5,6	
7	2123230029	Nguyễn Thành	Đạt	28/07/2005	CCQ2323A	001	Đạt	8,9	Đạt	8,2	8,6	9,2	8,8	
8	2123230011	Nguyễn Tấn	Dũng	11/10/2005	CCQ2323A	004		4,9	B	3,8	4,4	7,5	5,6	
9	2123170598	Trần Văn	Dũng	15/05/2005	CCQ2317Q	003	Dũng	6,2	Dũng	7,6	6,9	7,6	7,2	
10	2123170633	Bùi Trần Trung	Dương	10/09/2005	CCQ2317R	002	Dương	3,9			0	5,5	2,2	
11	2123230017	Võ Khánh	Duy	08/07/2005	CCQ2323A	001		3,8		6,4	5,1	7	5,9	
12	2123230021	Lê Phùng	Giáp	12/12/2004	CCQ2323A	004		3,5		5,0	4,3	8,4	5,9	
13	2123170604	Phan Quý	Hải	20/11/2005	CCQ2317Q	003	Hải	6,3	Hải	6,8	6,6	8,2	7,2	
14	2123110278	Ngân Thị	Hạnh	11/03/2005	CCQ2311H							0	Câm Thị	
15	2123230016	Nguyễn Văn	Hạnh	06/05/2004	CCQ2323A	001	Hạnh	6,8	Hạnh	5,0	5,9	8,2	6,8	
16	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	002		3,7		3,0	3,4	6,5	4,6	
17	2123170627	Nguyễn Duy	Hoàn	10/12/2005	CCQ2317R	003	Hoàn	2,3	Hoàn	5,0	3,7	8,5	5,6	
18	2123110285	Hoàng Thanh	Hồng	01/10/2005	CCQ2311H	004		8,4		8,2	8,3	8,5	8,4	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn
Lê Phan
Thuy Tân

Nguyễn Thị
Mỹ Nhung

Nguyễn Hà Thanh Vân

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Thị Ngọc

55

C. Châu

Môn học: Anh văn 2 (22400414)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	001		3,8		6,0	4,9	6,3	5,5	
20	2123170582	Lê Văn	Huy	19/12/2004	CCQ2317Q	002		3,9		3,1	3,5	5,4	4,3	
21	2123170595	Nguyễn Quốc	Khánh	03/05/2005	CCQ2317Q	003		3,3		0,0	1,7	7,1	3,9	
22	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	004		6,3		6,7	6,5	7,8	7,0	
23	2123170583	Trần Văn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2317Q	003		4,2		3,0	3,6	6,3	4,7	
24	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	002		4,9		3,3	4,1	7,2	5,3	
25	2123110235	Trần Thị Bích	Liên	31/05/2003	CCQ2311G	001		4,7		3,0	3,9	7,2	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400415)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 28

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030250	Nguyễn Tiến	Bảo	27/04/2004	CCQ2303G	1004		6,6		4,4	5,5	7,7	6,4	
2	2123030135	Nguyễn Văn	Chi	10/04/2005	CCQ2303D	1001		4,6		3,7	4,2	8,2	5,8	
3	2123030230	Nguyễn Văn	Cường	10/07/2005	CCQ2303G	1002		8,6		8,5	8,6	7,4	8,1	
4	2123030091	Đỗ Văn	Đăm	20/11/2004	CCQ2303C	1003		3,2		4,1	3,7	5,9	4,6	
5	2123030079	Ngô Tiến	Đạt	29/01/2004	CCQ2303C	1004		3,3		2,7	3,0	7,4	4,8	
6	2123270109	Huỳnh Thị Hồng	Diễm	06/06/2005	CCQ2327C	1001		4,6		7,2	5,9	8,6	7,0	
7	2123030134	Hồ Văn	Dự	28/10/2005	CCQ2303D	1002		4,7		4,8	4,8	7,8	6,0	
8	2123030099	Võ Tấn	Dũng	01/06/2005	CCQ2303C	1003		5,4		5,5	5,5	7,5	6,3	
9	2123300073	Võ Thị Cẩm	Duyên	26/09/2005	CCQ2330C	1004		5,4		5,4	5,4	8,6	6,7	
10	2121170363	Nguyễn Trung	Hậu	14/11/2003	CCQ2117K	1001		6,6		3,2	4,9	8,1	6,2	
11	2123030225	Phan Trung	Hậu	12/07/2005	CCQ2303G	1002		8,8		8,5	8,7	8,8	8,7	
12	2123030095	Châu Thành	Hiệp	13/10/2005	CCQ2303C	1003		5,6		0,4	3,0	6,7	4,5	
13	2123030078	Nguyễn Thọ	Hùng	19/03/2005	CCQ2303C	1004		2,2		3,0	2,6	6,5	4,2	
14	2123030092	Nguyễn Trương	Hữu	23/03/2005	CCQ2303C	1001		5,2		4,4	4,8	9	6,5	
15	2123030087	Trần Quốc	Huy	21/09/2005	CCQ2303C	1002		4,4		2,9	3,7	7,3	5,1	
16	2123030089	Trần Mai	Khải	15/12/2005	CCQ2303C	1003		2,4		3,8	3,1	6,9	4,6	
17	2123030224	Bá Văn	Khang	12/02/2005	CCQ2303G	1004		4,4		4,7	4,6	8,2	6,0	
18	2123030234	Nông Duy	Khánh	04/02/2005	CCQ2303G	1001		8,0		8,0	8,0	9,3	8,5	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

56

C.Thủy

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Phước*
Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn*
G. Viên chấm thi 1 Môn Viết: *Trần Thị Di Hương*
G. Viên chấm thi 2 Môn Viết: *Đ.T.T. Thủy*
G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp: *H.T. Hoàng*
G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp: *Nguyễn Thị Hằng*

Môn học: Anh văn 2 (22400415)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 28

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123030103	Nguyễn Đăng	Khoa	25/10/2005	CCQ2303C	1002	<i>Ng</i>	5,1	<i>Ng</i>	7,2	6,2	8,8	7,2	
20	2123030077	Quách Phong	Khôi	12/07/2005	CCQ2303C	1003	<i>Q</i>	2,1	<i>Qu</i>	3,2	2,7	6,5	4,2	
21	2123030233	Nguyễn Trương Gia	Kiệt	29/05/2005	CCQ2303G	1004	<i>Ng</i>	7,6	<i>Ng</i>	7,8	7,7	6,4	7,2	
22	2123110002	Nguyễn Hồng	Kỳ	26/01/2004	CCQ2311A	1005	<i>Ng</i>	7,2	<i>Ng</i>	7,5	7,4	7,5	7,4	
23	2123150099	Bùi Tấn	Lộc	02/09/2003	CCQ2315C	1002	<i>B</i>	5,9	<i>B</i>	2,0	4,0	6,7	5,1	
24	2122110569	Hà Phước	Lộc	19/09/2003	CCQ2211N						0	3,1	4,2	
25	2123300128	Ngô Thị Gia	Mẫn	08/03/2004	CCQ2330D	1004	<i>Ng</i>	4,6	<i>Ng</i>	7,5	6,1	9,8	7,6	
26	2123270123	Phan Bá	Mạnh	21/05/2005	CCQ2327D	1003	<i>Ph</i>	5,8	<i>Ph</i>	8,3	7,1	9,4	8,0	
27	2123030223	Trần Quang	Minh	04/10/2005	CCQ2303G	1002	<i>Tr</i>	4,2	<i>Tr</i>	7,8	6,0	9,3	7,3	
28	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B	1001	<i>Nh</i>	5,8	<i>Nh</i>	4,5	5,2	8,3	6,4	
29	2123200055	Lê Huỳnh Thái	Phong	19/10/2005	CCQ2320A	1003	<i>L</i>	4,9	<i>L</i>	2,0	3,5	8,8	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 16
+ 1.03

(57)

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400420)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123260115	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	10/11/2005	CCQ2326D							0		
2	2123100031	Nguyễn Thị Quế	Anh	18/01/2005	CCQ2310A	1002	Lucas	5,5	Lucas	7,2	6,4	8,4	7,2	
3	2123120384	Phan Tuấn	Anh	25/11/2005	CCQ2312G							0		
4	2121150059	Bùi Ngọc	Bảo	08/07/2003	CCQ2115B	1004		2,4			0	3,7	1,5	
5	2122110215	Nguyễn Đăng	Bảo	18/10/2004	CCQ2211F	1001		3,9		7,4	5,7	7,3	6,3	
6	2123120430	Nguyễn Thành	Công	02/04/2005	CCQ2312H	1002	Công	3,9	Công	5,4	4,7	6,4	5,4	
7	2123120362	Đỗ Thị Thúy	Diễm	12/12/2005	CCQ2312G	1003	Diễm	6,6	Diễm	6,6	6,6	8,7	7,4	
8	2123120445	Hồ Thị Kim	Dung	18/06/2005	CCQ2312H	1004	Dung	6,7	Dung	6,2	6,5	8	7,1	
9	2123120436	Tô Thị Mỹ	Duyên	26/03/2005	CCQ2312H	1001	Duyên	6,0	Duyên	5,9	6,0	7	6,4	
10	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C	1002	Giáp	5,6	Giáp	5,0	5,3	8,2	6,5	
11	2122120375	Hà Trần Quốc	Huy	02/09/2004	CCQ2212K							0		
12	2123220003	Phạm Quốc	Huy	14/05/2005	CCQ2322A	1001	Phạm	4,3	Huy	1,3	2,8	8,3	5,0	Thi BS viết ở DL 10
13	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D	1001	Hy	4,7	Hy	2,6	3,7	7,3	5,1	
14	2123120376	Nguyễn Hồng	Lam	22/10/2005	CCQ2312G	1002	Nguyễn	6,9	Nguyễn	8,3	7,6	8,2	7,8	
15	2122220027	Phạm Hồng	Lâm	17/01/2002	CCQ2212P							3,7		
16	2123270137	Nguyễn Hoàng	Lanh	06/02/2005	CCQ2327D							0		
17	2123120420	Châu Tuyền	Linh	30/06/2005	CCQ2312H	1001	Châu	4,1	Linh	5,6	4,9	6,4	5,5	
18	2122120297	Nguyễn Hà	Linh	13/04/2004	CCQ2212I	1002	Linh	4,7	Linh	2,9	3,8	7,1	5,1	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

(57)

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

P. H. Nhung

Bui Trung Viên

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Thị Tuấn

Nguyễn Thị Bình

Le TT Thạc

Môn học: Anh văn 2 (22400420)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123120424	Phạm Thành	Lộc	14/07/2003	CCQ2312H	1003	Thành	7,6	Thành	8,2	7,9	9,5	8,5	
20	2122070029	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12/08/2004	CCQ2207A	1004	Quỳnh	3,6	Quỳnh	2,8	3,2	5,2	4,0	
21	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	1001	Minh	3,8	Minh	1,5	2,7	6,8	4,3	
22	2123120649	Nguyễn Thị	Mỹ	26/01/2005	CCQ2312K	1002	Mỹ	8,8	Mỹ	7,6	8,2	10	8,9	
23	2123120422	Huỳnh Thị Hồng	Ngân	01/08/2005	CCQ2312H	1003	Hồng	5,0	Hồng	5,2	5,1	7,4	6,0	
24	2123120447	Trần Thị Như	Nguyễn	22/01/2004	CCQ2312H	1004	Như	7,1	Như	7,8	7,5	9,4	8,3	
25	2123120413	Hoàng Thị Yến	Nhi	11/11/2005	CCQ2312H	1001	Nhi	8,0	Nhi	7,3	7,7	8,4	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN THI BỔ SUNG
GIAI ĐOẠN 2, HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025

Ngày thi: 17/02/2025
Phòng: D1-10

Môn: Anh văn 2
Giảng viên: Đặng Minh Tuấn

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ LHP	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký sinh viên	Điểm QT	Điểm thi	Điểm HP
1	212322003	Phạm Quốc Huy	14/05/2005	2240040	997	Huy	8,3	5,43	5,0
2									
3									

Lưu ý:

- Sinh viên có mặt đúng thời gian thi.
- Sinh viên mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy giới thiệu có ảnh.

Số sinh viên có mặt: 01
Số sinh viên vắng mặt: 0
Số bài thi: 01
Số tờ giấy thi: 01

CB coi thi 1

Nguyễn Minh Lộc

CB coi thi 2

Nguyễn Bảo Lâm

GV chấm bài 1

Nguyễn Ngọc Châu

GV chấm bài 2

Đặng Minh Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 24
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 3
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 4
Môn Văn đáp

58

C. Hòa

Môn học: Anh văn 2 (22400424)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Khai
Phước
Nguyễn
Huỳnh Tuyền

Cải Minh Thuận

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123130088	Lê Phan Kim	Anh	29/08/2004	CCQ2313C	1002		8,6		8,4	8,5	8,4	8,5	
2	2123070017	Lưu Thị Ngọc	Ánh	16/03/2005	CCQ2307A	1003		9,5		8,1	8,8	9,5	9,1	
3	2122270045	Trịnh Thị Kim	Ánh	20/07/2004	CCQ2227B							0		
4	2123070012	Quách Gia	Bảo	17/07/2005	CCQ2307A	1004		7,8		7,9	7,9	8,6	8,2	
5	2122140047	Văn Bá	Đặng	11/04/2004	CCQ2214B	1002		7,8		0,7	4,3	6,6	5,2	
6	2122100032	Nguyễn Thị Kim	Dung	06/12/2004	CCQ2210A	1003		6,5		6,8	6,7	6,9	6,8	
7	2123070009	Phạm Hải	Duy	15/08/2005	CCQ2307A	1004		6,8		3,8	5,3	6,6	5,8	
8	2123130093	Nguyễn Thuý	Duyên	02/07/2005	CCQ2313C	1001		6,4		2,6	4,5	5,2	4,8	
9	2123070027	Nguyễn Minh	Hiếu	24/02/2004	CCQ2307A	1002		7,6		6,2	6,9	7,6	7,2	
10	2123110537	Phan Ngọc Xuân	Hoa	03/04/2005	CCQ2311A	1003		9,5		6,5	8,0	9,5	8,6	
11	2123070007	Trần Văn	Hoàng	06/06/2005	CCQ2307A	1006		5,9		5,7	5,8	6,8	6,2	
12	2122170236	Nguyễn Quốc	Huân	26/09/2004	CCQ2217F							0		
13	2123130091	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	30/01/2005	CCQ2313C	1002		6,9		6,4	6,7	7,8	7,1	
14	2123070020	Nguyễn Huỳnh	Hương	29/06/2005	CCQ2307A	1003		8,8		6,0	7,4	7,9	7,6	
15	2122170462	Nguyễn Hồ Minh	Khang	12/01/2004	CCQ2217L	1004		6,8		4,1	4,0	6,4	5,0	
16	2123070019	Đỗ Viết Gia	Kiệt	09/11/2005	CCQ2307A	1007		6,8		4,8	5,8	6,5	6,4	
17	2123070023	Hoàng Nguyễn Tuấn	Kiệt	15/09/2005	CCQ2307A	1002		6,7		7,6	7,2	8,6	7,8	
18	2123130076	Huỳnh Mỹ	Liên	13/11/2005	CCQ2313C	1003		6,2		3,3	4,8	6,4	5,4	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

58

C. Hòa

Ng. Hà Thanh Vân

Môn học: Anh văn 2 (22400424)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A201

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123070001	Phạm Thị Ngọc	Liên	29/07/2004	CCQ2307A	1004		5,3		8,3	6,8	9,4	7,8	
20	2122200201	Trần Lý Cao	Minh	09/10/2002	CCQ2220D	1001		6,5		4,0	5,3	5,1	5,2	
21	2123070011	Hà Thị Kim	Ngân	27/06/2005	CCQ2307A	1002		8,3		2,8	5,6	8,1	6,6	
22	2123070021	Nguyễn Thị Kim	Ngân	31/05/2002	CCQ2307A	1003		9,0		5,1	7,1	7,9	7,4	
23	2122200172	Nguyễn Thị Ái	Nghĩa	30/12/2004	CCQ2220E	1004		7,1		5,5	6,3	5,6	6,0	
24	2123130071	Đặng Như	Ngọc	19/05/2005	CCQ2313C	1001		8,6		5,3	7,0	7,4	7,2	
25	2123130069	Nguyễn Phương	Nhi	14/10/2005	CCQ2313C	1002		7,5		5,8	6,7	7,4	7,0	
26	2122120246	Nguyễn Thị Ý	Nhi	12/12/2004	CCQ2212H							0		
27	2123100029	Phan Yến	Nhi	22/07/2005	CCQ2310A							0		
28	2123030114	Phan Công	Nhi	17/11/2005	CCQ2303D	1003		7,2		3,4	5,3	6,3	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

(59)

C. Hương

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400425)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: DS-27 Số tờ giấy thi:

Đ: 20

H: 0



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123060180	Huỳnh Tuấn	An	23/08/2005	CCQ2306A							0	Cấm thi	
2	2123040073	Phan Phú	Ấn	23/09/2005	CCQ2304B	004	Ấn	5,7	Ấn	7,7	6,7	6,2	6,5	
3	2123060211	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/12/2005	CCQ2306A	002	Ánh	5,5	Ánh	5,5	5,5	8,8	6,8	
4	2123060105	Nguyễn Hữu	Bách	17/10/2005	CCQ2306A	006	Bách	6,7	Bách	9,0	7,9	6,3	7,3	
5	2123060025	Hoàng Ngọc	Bộ	29/11/2005	CCQ2306A	002	Bộ	7,0	Bộ	7,0	7,0	5,5	6,4	
6	2123060038	Tân Ngọc Thanh	Châu	29/07/2005	CCQ2306A	004	Châu	6,6	Châu	8,0	7,3	5,7	6,7	
7	2123060096	Nguyễn Quốc	Chiến	28/01/2004	CCQ2306A	002	Chiến	7,5	Chiến	7,9	7,7	8,5	8,0	
8	2123060012	Nguyễn Văn	Công	03/12/2005	CCQ2306A	003	Công	7,7	Công	6,7	7,2	8,3	7,6	
9	2123060050	Cao Thành	Danh	23/11/2005	CCQ2306A	001	Danh	6,9	Danh	6,9	6,9	9	7,7	
10	2123060113	Nguyễn Tấn	Đạt	23/06/2005	CCQ2306A	003	Đạt	6,2	Đạt	4,3	5,3	5,3	5,3	
11	2122120589	Đào Nhật	Hào	03/01/2004	CCQ2212P	001	Hào	4,9	Hào	3,9	4,4	9,2	6,3	
12	2123060193	Đặng Cao	Hiếu	22/09/2004	CCQ2306A	003	Hiếu	5,6	Hiếu	5,0	5,3	5,8	5,5	
13	2123060224	Phạm Việt	Hoàng	27/12/2005	CCQ2306A	001	Hoàng	5,8	Hoàng	4,3	5,1	7,2	5,9	
14	2123060208	Thái Nhật	Hoàng	09/07/2005	CCQ2306A	003	Thái	4,2	Thái	7,3	5,8	4,8	5,4	
15	2123040047	Võ Thành	Hoàng	03/06/2005	CCQ2304B							0	Cấm thi	
16	2123060182	Nguyễn Văn	Hùng	27/12/2002	CCQ2306A	001	Hùng	5,3	Hùng	8,4	6,9	9,7	8,0	
17	2122180016	Huỳnh Bảo	Hung	17/09/2004	CCQ2218A	002	Hung	3,9	Hung	5,9	4,9	7,9	6,1	
18	2123060173	Hoàng Lưu Tấn	Huy	04/04/2005	CCQ2306A							2,7	4,1	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

59

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400425)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123040063	Trương Công	Huy	07/09/2005	CCQ2304B	061	<i>[Signature]</i>	7.6	<i>[Signature]</i>	6.7	7.2	9.3	8.0	
20	2123040046	Nguyễn Đặng Minh	Khang	09/08/2005	CCQ2304B							0	Cấm thi	
21	2123040054	Âu Dương	Khánh	17/12/2005	CCQ2304B	001	<i>[Signature]</i>	7.3	<i>[Signature]</i>	7.6	7.5	8.8	8.0	
22	2123040043	Nguyễn Văn	Nghĩa	10/10/2005	CCQ2304B	002	<i>[Signature]</i>	5.1	<i>[Signature]</i>	6.8	6.0	6.8	6.3	
23	2123060086	Hồ Văn	Nhuận	01/10/2005	CCQ2306A	004	<i>[Signature]</i>	7.2	<i>[Signature]</i>	3.2	5.2	6.4	5.7	
24	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A							4.7	4.9	
25	2123060200	Lê Văn	Phi	30/10/2005	CCQ2306A	004	<i>[Signature]</i>	8.2	<i>[Signature]</i>	8.7	8.5	8.4	8.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

(60)

C. Hoàng

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thùy Hương
Cán bộ coi thi 2: Nguyễn T. Minh
G. Viên chấm thi 1 Môn Viết: Đỗ Thị Thanh Xuân
G. Viên chấm thi 2 Môn Viết: Trần Thị Hồng
G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp: Trần Thị Hồng
G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp: Nguyễn Ngọc Châu

Môn học: Anh văn 2 (22400425)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B204

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-27

D: 17

H: 03

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123060065	Hoàng Công	Phong	13/04/2005	CCQ2306A	03	<u>Phong</u>	6,9	<u>Phong</u>	8,3	7,6	9,5	8,4	
2	2123040038	Lương Văn	Phú	25/04/2005	CCQ2304B	02	<u>Phú</u>	5,3	<u>Phú</u>	3,7	4,5	9	6,3	
3	2123060002	Hồ Hoàng	Phúc	12/03/2005	CCQ2306A	01	<u>Phúc</u>	8,3	<u>Phúc</u>	9,0	8,7	7,4	8,2	
4	2121172011	Nguyễn Công	Quốc	21/09/2003	CCQ2117LA	04	<u>Quốc</u>	6,5	<u>Quốc</u>	8,1	7,3	6,6	7,0	
5	2123060080	Lê Mạnh	Quỳnh	16/07/2005	CCQ2306A	03	<u>Quỳnh</u>	7,6	<u>Quỳnh</u>	6,8	7,2	4,7	6,2	
6	2123040045	Trương Quang	Sang	08/08/2005	CCQ2304B							3,5	1,4	
7	2123060022	Lê Hoàng	Thắng	11/01/2005	CCQ2306A	01	<u>Thắng</u>	8,5	<u>Thắng</u>	5,7	7,1	9,2	7,9	
8	2123060201	Phạm Quang	Thành	08/12/2005	CCQ2306A	04	<u>Thành</u>	8,4	<u>Thành</u>	9,6	9,0	9,8	9,3	
9	2122180048	Vô Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	03	<u>Thiên</u>	7,7	<u>Thiên</u>	5,7	6,7	9,4	7,8	
10	2123060192	Nguyễn Duy	Thiện	03/05/2004	CCQ2306A	02	<u>Thiện</u>	7,2	<u>Thiện</u>	5,0	6,1	7,5	6,7	
11	2123040039	Phùng Triệu	Tiến	02/10/2005	CCQ2304B	01	<u>Tiến</u>	7,2	<u>Tiến</u>	6,9	7,1	8,1	7,5	
12	2123060214	Nguyễn Thành	Tin	26/09/2003	CCQ2306A	04	<u>Tin</u>	9,4	<u>Tin</u>	9,1	9,3	9,6	9,4	
13	2123040021	Nguyễn Trương	Tin	12/02/2005	CCQ2304A	03	<u>Tin</u>	7,1	<u>Tin</u>	7,2	7,2	8,3	7,6	
14	2123040051	Hoàng Quách	Tinh	21/03/2005	CCQ2304B							0	Cấm thi	
15	2123040024	Ngô Thái	Tổ	06/05/2005	CCQ2304A							3,1	1,2	
16	2123040020	Nguyễn Tiến	Toàn	06/06/2005	CCQ2304A	02	<u>Toàn</u>	5,0	<u>Toàn</u>	4,8	4,9	8,1	6,2	
17	2123040032	Huỳnh Nguyễn Hữu	Trí	30/05/2005	CCQ2304A	01	<u>Trí</u>	4,1			0,0	5,2	2,1	
18	2123040053	Thân Văn	Trí	12/03/2005	CCQ2304B	04	<u>Trí</u>	6,1	<u>Trí</u>	1,2	3,7	5,3	4,3	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

(60)

C. Hoàng

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn

Môn Văn

Môn Văn

Môn Văn

Môn Văn

Môn Văn

Nguyễn Thị Thuý Hằng

Trần Thị Thanh

Đỗ Thị Thanh Hương

Trần Thị Hương

Trần Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Môn học: Anh văn 2 (22400425)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B204

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-27

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123040036	Nguyễn Minh	Tuấn	16/08/2005	CCQ2304B	03		5,5		5,1	5,3	6,2	5,7	
20	2123040005	Vũ Đình	Tùng	10/03/2005	CCQ2304A	03		5,1		4,9	5,0	6,1	5,4	
21	2123040026	Nguyễn Khắc	Vũ	06/07/2005	CCQ2304A							0,5	0,2	
22	2123060013	Nguyễn Xuân	Vũ	06/12/2005	CCQ2306A	01		5,2		5,1	5,2	7,4	6,1	
23	2123040067	Tô Ngọc	Vũ	18/08/2005	CCQ2304B	04		4,1		2,8	3,5	5,3	4,2	
24	2123040009	Cù Hoàng	Vương	08/05/2005	CCQ2304A							0	Cấm thi	
25	2122030249	Trần Như	Ý	22/07/2004	CCQ2203H	03		5,7		7,0	6,4	6,5	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 19
H: 06

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Lan
Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Tài Mai
Cán bộ coi thi 2

Cải Minh Thuận
G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn Thanh Vân
G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

(61)

C. Hòa

Môn học: Anh văn 2 (22400424)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B205

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025 Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: A201 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123070004	Vân Thị Yến	Nhiên	05/10/2005	CCQ2307A	1004	<i>Nhan</i>	4,2	<i>Nhan</i>	7,5	5,9	7,7	6,6	
2	2122210015	Huỳnh Tổ	Như	10/05/2003	CCQ2221A	1001	<i>Như</i>	4,3	<i>Như</i>	5,5	4,9	9,5	6,7	
3	2123130085	Lâm Quê	Như	23/11/2005	CCQ2313C	1002	<i>Như</i>	6,5	<i>Như</i>	5,3	5,9	8,5	6,9	
4	2123070022	Quách Triệu	Phú	12/06/2005	CCQ2307A	1003	<i>Phu</i>	4,1	<i>Phu</i>	5,0	4,6	6,6	5,1	
5	2123030128	Nguyễn Hữu	Phúc	19/07/2005	CCQ2303D	1004	<i>Phuc</i>	3,1	<i>Phuc</i>	5,6	4,4	7,8	5,8	
6	2123200490	Hồ Thu	Phương	14/08/2005	CCQ2320F	1001	<i>Phuong</i>	6,6	<i>Phuong</i>	7,8	7,2	7,6	7,4	
7	2122270083	Lộ Thị Kim	Phương	05/09/2003	CCQ2227C	1002	<i>Phuong</i>	4,0	<i>Phuong</i>	4,7	4,4	5,5	4,8	
8	2123070014	Son	Son	22/03/2005	CCQ2307A	1001	<i>Son</i>	4,6	<i>Son</i>	7,4	6,0	7,6	6,6	
9	2122110210	Lê Chi	Tài	01/07/2004	CCQ2211F							6,6		
10	2123070015	Trần Ngọc Tấn	Tài	10/04/2005	CCQ2307A	1003	<i>Tan</i>	4,7	<i>Tan</i>	8,0	6,4	7,8	7,0	
11	2123070025	Nguyễn Anh	Thư	08/07/2005	CCQ2307A	1004	<i>Thu</i>	4,3	<i>Thu</i>	2,3	3,3	7,3	4,9	
12	2123130038	Nguyễn Thị Thanh	Tiến	24/12/2005	CCQ2313B							5,9		
13	2123130061	Trương Thanh	Tiến	16/09/2005	CCQ2313B	1004	<i>Tien</i>	4,7	<i>Tien</i>	5,9	5,3	9,1	6,8	
14	2123030138	K	Tin	15/09/2005	CCQ2303D	1003	<i>Tin</i>	6,4	<i>Tin</i>	4,2	5,3	8,4	6,5	
15	2123100024	Phạm Minh	Tinh	03/11/2003	CCQ2310A	1002	<i>Tinh</i>	3,8	<i>Tinh</i>	7,2	4,5	8,1	5,9	
16	2122170195	Dương	Tới	09/10/2004	CCQ2217E							0		
17	2123130031	Đặng Ngọc Như	Trâm	10/11/2005	CCQ2313B	1004	<i>Tram</i>	4,7	<i>Tram</i>	5,5	5,1	9,5	6,9	
18	2123070005	Phạm Thị Huyền	Trâm	23/12/2005	CCQ2307A	1001	<i>Huyen</i>	8,0	<i>Huyen</i>	5,6	6,8	8,9	7,6	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Lan
Vũ Hoàng Lan

Mt2
Nguyễn Tài
Mai Thi

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400424)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B205

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025 Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: A201 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123100068	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	26/09/2005	CCQ2310B	1002	Mt2	7,3	Mt2	5,7	6,5	8,9	7,5	
20	2123130082	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/04/2005	CCQ2313C	1003	Trang	4,6	Trang	5,5	5,1	4,5	4,9	
21	2123130037	Trần Phương	Trang	30/10/2004	CCQ2313B	1004	Trang	4,9	Trang	6,0	5,5	9,4	7,1	
22	2123070018	Trần Ngọc	Trinh	17/10/2005	CCQ2307A	1003	Trinh	7,8	Trinh	8,4	8,1	9,1	8,5	
23	2123030131	Võ Thanh	Tú	22/07/2005	CCQ2303D	1002	Tú	4,3	Tú	3,7	4,0	5,8	4,7	
24	2123200484	Từ Thị Khánh	Vân	30/04/2005	CCQ2320F	1001	Vân	6,4	Vân	7,8	7,1	7,8	7,4	
25	2123070006	Nguyễn Xuân	Vân	27/03/2005	CCQ2307A	1004	Vân	4,1	Vân	7,3	5,7	8	6,6	
26	2123030118	Phạm Quốc	Việt	04/02/2005	CCQ2303D	1003	Việt	5,1	Việt	2,0	3,6	7,7	5,2	
27	2123070002	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	05/08/2005	CCQ2307A	1000	Vy	4,0	Vy	2,3	3,2	7,4	4,9	
28	2123130019	Lê Thị Kim	Yến	17/12/2004	CCQ2313A	1001	Yến	3,4	Yến	1,0	2,2	8,2	4,6	

(61)

C-Hoà

Chữ Minh Thuận

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Nguyễn Minh Thuận

Ng Hà Thanh Vân

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 219
H: 02

(62)

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

H. V. Đạt

Thái Thị Huyền

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Thị Dung

Le TT Tháo

Môn học: Anh văn 2 (22400420)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B206

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120459	Nguyễn Ngọc Bình	Nhi	30/11/2005	CCQ2312H	1004	<i>Nhi</i>	4,1	<i>Nhi</i>	00	2,1	5,7	3,0	
2	2123120398	Hồ Quốc	Nhiên	20/06/2005	CCQ2312G	1001	<i>Nhiên</i>	3,6	<i>Nhiên</i>	3,7	3,7	8,1	5,5	
3	2123120355	Mai Nhật	Phú	08/01/2005	CCQ2312G	1002	<i>Phú</i>	3,7	<i>Phú</i>	4,1	3,9	8,8	5,9	
4	2123120431	Bùi Đình	Phúc	30/03/2005	CCQ2312H	1003	<i>Phúc</i>	8,2	<i>Phúc</i>	8,2	8,2	9,3	8,6	
5	2123120403	Trương Mai	Phương	15/09/2005	CCQ2312G	1004	<i>Phương</i>	7,7	<i>Phương</i>	3,5	5,6	9	7,0	
6	2122270079	Ngô Thanh	Quang	14/04/2004	CCQ2227C	1001	<i>Quang</i>	4,8			0	3,7	1,5	
7	2123120367	Nguyễn Thành	Quy	25/09/2005	CCQ2312G	1002	<i>Quy</i>	5,0	<i>Quy</i>	4,6	4,8	6	5,3	
8	2123120354	Nguyễn Huỳnh Thảo	Quỳnh	29/05/2005	CCQ2312G							0		
9	2123100226	Đinh Thị Như	Quỳnh	21/10/2002	CCQ2310C	1004	<i>Quỳnh</i>	6,6	<i>Quỳnh</i>	6,6	6,6	9,7	7,8	
10	2123120393	Trần Thị Như	Quỳnh	26/06/2005	CCQ2312G	1001	<i>Trần</i>	5,9	<i>Trần</i>	7,2	6,6	8,2	7,2	
11	2122110169	Nguyễn Tấn	Tài	21/03/2004	CCQ2211E	1002	<i>Tài</i>	5,1	<i>Tài</i>	6,7	5,9	7,1	6,4	
12	2123180049	Trương Thành	Tâm	05/11/2005	CCQ2318B							0		
13	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D	1004	<i>Thành</i>	4,3	<i>Thành</i>	6,7	5,5	7,2	6,2	
14	2122100158	Phạm Nguyễn Hoài	Thương	01/01/2004	CCQ2210E	1001	<i>Thương</i>	8,5	<i>Thương</i>	7,8	8,2	9,1	8,6	
15	2122170537	Phan Trần Phước	Tiến	29/08/2004	CCQ2205D	1002	<i>Phước</i>	5,1	<i>Phước</i>	3,8	4,5	5,8	5,0	
16	2123120401	Trần Ái	Tinh	14/12/2005	CCQ2312G	1001	<i>Tinh</i>	4,1	<i>Tinh</i>	5,8	5,0	6,2	5,5	
17	2123120415	La Thị	Trang	23/04/2003	CCQ2312H	1003	<i>Trang</i>	7,6	<i>Trang</i>	6,8	7,2	7,6	7,4	
18	2123120364	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/03/2005	CCQ2312G	1001	<i>Trang</i>	4,0	<i>Trang</i>	5,4	4,7	6,1	5,3	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

H.V. Dũng

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Dung

G.Viên chấm thi 1

Nguyễn Ngọc Anh

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

G.Viên chấm thi 1

Nguyễn Thị Dung

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Môn học: Anh văn 2 (22400420)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B206

Số SV có mặt: *21*

Số bài thi: *21*

Số tờ giấy thi: *21*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *20/02/2025* Số SV có mặt: *20*

Giờ thi: *14h45* Số bài thi: *20*

Phòng thi: *D5-26* Số tờ giấy thi: *20*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123120410	Vi Thị Thuý	Trang	25/12/2005	CCQ2312H	<i>1004</i>	<i>Trang.</i>	<i>6,1</i>	<i>Trang.</i>	<i>6,3</i>	<i>6,2</i>	8,4	<i>7,1</i>	
20	2122120386	Võ Thị Tú	Trinh	13/01/2004	CCQ2212L	<i>1003</i>	<i>Trinh</i>	<i>6,2</i>	<i>Trinh</i>	<i>7,5</i>	<i>6,9</i>	8,7	<i>7,6</i>	
21	2123120435	Lê Anh	Tuấn	30/06/2004	CCQ2312H	<i>1002</i>	<i>Tuấn</i>	<i>5,6</i>	<i>Tuấn</i>	<i>7,3</i>	<i>6,5</i>	8	<i>7,0</i>	
22	2123120672	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	04/09/2004	CCQ2312L							0		
23	2123120440	Phạm Lê Trà	Vi	06/10/2005	CCQ2312H							0		
24	2123120371	Trần Thị Thúy	Vy	27/04/2005	CCQ2312G	<i>1004</i>	<i>Vy</i>	<i>6,7</i>	<i>Vy</i>	<i>6,1</i>	<i>6,4</i>	7,7	<i>6,9</i>	
25	2123100192	Huỳnh Thị Hồng	Yến	14/10/2005	CCQ2312L	<i>1002</i>	<i>Yến</i>	<i>5,6</i>	<i>Yến</i>	<i>3,4</i>	<i>4,5</i>	6,2	<i>5,2</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400415)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B207

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14'45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030107	Phạm Thanh	Phú	20/10/2004	CCQ2303C	1001	<i>Phạm</i>	5,5	<i>Phạm</i>	5,5	5,5	9,1	6,9	
2	2123030073	Nguyễn Thái Anh	Quân	01/09/2005	CCQ2303C	1002	<i>Quân</i>	4,0	<i>Quân</i>	2,3	3,2	7,8	5,0	
3	2123030102	Lý Công	Quý	06/06/2005	CCQ2303C	1003	<i>Quý</i>	3,6	<i>Quý</i>	5,8	4,7	8,2	6,1	
4	2123200648	Châu Phước	Sang	11/11/2003	CCQ2320G						0	0,4	0,2	
5	2123030085	Trần Hoàng Minh	Tâm	28/03/2005	CCQ2303C	1001	<i>Trần</i>	5,9	<i>Trần</i>	5,4	5,7	8,7	6,9	
6	2123170636	Đỗ Đình	Tấn	28/01/2004	CCQ2317R						0	2	0,8	
7	2122200089	Nguyễn Hoàng Quốc	Thái	31/07/2004	CCQ2220C						0	2,3	0,9	
8	2123030116	Phan Văn	Thành	25/11/2005	CCQ2303C	1002	<i>Thành</i>	5,0	<i>Thành</i>	5,4	5,2	7,3	6,0	
9	2123110018	Đinh Công	Thiện	29/10/2005	CCQ2311A	1001	<i>Thiện</i>	7,0	<i>Thiện</i>	6,3	6,7	9,3	7,7	
10	2123030226	Nguyễn Trung	Thiện	11/02/2005	CCQ2303G	1004	<i>Trung</i>	3,5	<i>Trung</i>	0,5	2	7,7	4,3	
11	2123030086	Nguyễn Minh	Thuận	23/06/2005	CCQ2303C	1003	<i>Thuận</i>	3,4	<i>Thuận</i>	4,7	4,1	8,5	5,9	
12	2123190097	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	19/09/1999	CCQ2319C	1002	<i>Thúy</i>	5,4	<i>Thúy</i>	4,8	5,1	8,1	6,3	
13	2123030054	Phan Đình	Tiến	22/07/2005	CCQ2303B	1001	<i>Tiến</i>	2,9	<i>Tiến</i>	0,0	1,5	8,6	4,3	
14	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	1004	<i>Toàn</i>	7,5	<i>Toàn</i>	6,0	6,8	9,2	7,8	
15	2123030046	Nguyễn Bảo	Toàn	27/08/2005	CCQ2303B						0	5,4	2,2	
16	2123300100	Mai Thị Mai	Trâm	04/04/2005	CCQ2330C	1004	<i>Trâm</i>	5,6	<i>Trâm</i>	5,4	5,5	9	6,9	
17	2123030019	Trương Nhật	Trang	20/11/2005	CCQ2303A						0	3,5	1,4	
18	2123030229	Trương Minh	Tri	14/04/2005	CCQ2303G	1002	<i>Tri</i>	3,6	<i>Tri</i>	4,5	4,1	8,8	6,0	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400415)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B207

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 23

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 23

Trần Thị Diên

*Maik
NTM lan*

Trần Thị Diên

Trần Thị Diên

Trần Thị Diên

Trần Thị Diên

63

C.Thuy?

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123030020	Lê Trần Minh	Triệu	11/08/2005	CCQ2303A						0	0,3	0,1	
20	2123030057	Đặng Văn	Trường	02/04/2005	CCQ2303B	1004	<i>Ng</i>	4,7	<i>Ng</i>	6,2	5,5	8,6	6,7	
21	2123030017	Nguyễn Trọng	Trường	17/05/2004	CCQ2303A	1003	<i>Tru</i>	4,4	<i>Tru</i>	3,5	4,0	8,4	5,8	
22	2123030090	Trần Minh	Truyền	31/07/2005	CCQ2303C	1001	<i>Tru</i>	3,7	<i>Tru</i>	1,0	2,4	8,3	4,8	
23	2123030205	Lê Minh	Tú	15/08/2005	CCQ2303F	1004	<i>L</i>	3,5	<i>L</i>	4,7	4,1	6,2	4,9	
24	2123030030	Ngô Ngọc	Tuấn	11/09/2005	CCQ2303A	1003	<i>Ng</i>	3,6	<i>Ng</i>	3,5	3,6	7,9	5,3	
25	2123030100	Nguyễn Đỗ Anh	Tuấn	28/11/2005	CCQ2303C	1002	<i>Tuan</i>	4,8	<i>Tuan</i>	2,5	3,7	7,3	5,1	
26	2123030255	Lê Quốc	Việt	14/04/2004	CCQ2303B	1001	<i>Le</i>	3,4	<i>Le</i>	1,0	2,2	7,8	4,4	
27	2123030072	Hà Văn	Vinh	04/05/2005	CCQ2303B	1003	<i>Vinh</i>	2,2	<i>Vinh</i>	0,0	1,1	8,7	4,1	
28	2123030003	Mai Quốc	Vinh	23/12/2005	CCQ2303A	1004	<i>Vinh</i>	4,1	<i>Vinh</i>	3,2	3,7	9,3	5,9	
29	2123030069	Nguyễn Hoàng	Vũ	01/05/2005	CCQ2303B	1001	<i>Vu</i>	6,0	<i>Vu</i>	5,9	6,0	9	7,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 22
H: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400414)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B208

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	1002	Chúc	5,7	M	6,1	5,9	8,1	6,8	
2	2123110241	Hồ Công	Minh	07/07/2005	CCQ2311G	1003	Minh	5,5	Minh	4,5	5,0	7,1	5,8	
3	2123230002	Huỳnh Tấn	Nam	14/06/2005	CCQ2323A	1004	Nam	4,1	Nam	6,9	5,5	7	6,1	
4	2123230018	Nguyễn Phương	Ngọc	19/04/2005	CCQ2323A	1001	Ngọc	5,6	Ngọc	6,6	6,1	7,2	6,5	
5	2123110308	Lê Trần Chính	Nguyên	08/12/2005	CCQ2311I	1002	Nguyên	8,3	Nguyên	7,1	7,7	9	8,2	
6	2123170625	Huỳnh Ngọc	Phúc	18/01/2005	CCQ2317R	1003	Phúc	3,0	Phúc	4,0	3,5	5,7	4,4	
7	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	1004	Quân	5,7	Quân	3,3	4,5	7,3	5,6	
8	2123230003	Dương Công	Quang	23/08/2005	CCQ2323A	1003	Quang	4,8	Quang	5,0	4,9	8,9	6,5	
9	2123110273	Nguyễn Hữu	Quang	15/08/2005	CCQ2311H	1004	Quang	7,7	Quang	7,8	7,8	7,9	7,8	
10	2123110329	Huỳnh Ngọc	Quốc	25/05/2001	CCQ2311J	1001	Quốc	4,7	Quốc	5,3	5,0	7,4	6,0	
11	2123170631	Phan Trần	Sang	24/01/2005	CCQ2317R	1002	Sang	7,2	Sang	5,0	6,1	8,4	7,0	
12	2123230012	Hồ Xuân	Sáng	12/10/2005	CCQ2323A	1003	Sáng	5,2	Sáng	5,6	5,4	8,6	6,7	
13	2123170605	Đỗ Huỳnh Quốc	Thắng	02/08/2005	CCQ2317Q	1004	Thắng	4,7	Thắng	2,7	3,7	7,9	5,4	
14	2123170626	Nguyễn Văn	Thành	27/01/2005	CCQ2317R	1001	Thành	6,6	Thành	5,6	6,1	8,6	7,1	
15	2123170615	Quảng Đại	Thiện	12/06/2004	CCQ2317R	1001	Thiện	5,6	Thiện	4,0	4,8	7,5	5,9	
16	2123110325	Quách Minh	Thông	28/11/2005	CCQ2311J	1002	Thông	6,3	Thông	6,6	6,5	7,4	6,9	
17	2123170596	Nguyễn Duy	Thức	15/04/2005	CCQ2317Q	1003	Thức	5,0	Thức	3,5	4,3	6,6	5,2	
18	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	1004	Toàn	5,6	Toàn	3,6	4,6	6,7	5,4	

64

C. Châu

Phường Thị Hè

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400414)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B208

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Hàn Trung Thuận
Lê Thị Tố Thi

Nguyễn Hà Thanh Vân

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Minh Tuấn

Phạm Thị Hà

(4)

C. Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123170613	Nguyễn Hữu	Trình	05/11/2005	CCQ2317R	1001		5,6		6,5	6,1	7,8	6,8	
20	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	1002		5,2		6,3	5,8	6,3	6,0	
21	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	1003		4,8		4,6	4,7	7,4	5,8	
22	2123110462	Nguyễn Hoàng	Vĩ	09/09/2005	CCQ2311G	1004		4,6		4,7	4,7	7,8	5,9	
23	2123110337	Trần Văn	Việt	07/01/2005	CCQ2311J	1002		6,2		7,5	6,9	8,3	7,5	
24	2121120627	Nguyễn Thị Yến	Vy	02/04/2003	CCQ2112R							0	Cấm thi	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 17
H: 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400413)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B209

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123040027	Nguyễn Tấn	Phát	06/11/2005	CCQ2304A	1003	Phát	4,3	Phát	3,1	3,7	5,2	4,3	
2	2123040016	Phạm Thành	Phát	26/04/2005	CCQ2304A	1004	Phạm	5,0	Phạm	3,4	4,2	6,9	5,3	
3	2123170500	Lâm Thành	Phúc	28/08/2005	CCQ23170	1003	Phúc	4,9	Phúc	8,5	6,7	8,1	7,3	
4	2123040008	Nguyễn Ngọc	Phúc	19/01/2005	CCQ2304A	1004	Ngọc	4,3	Ngọc	5,0	4,7	6,7	5,5	
5	2123180009	Lê Anh	Quân	15/03/2005	CCQ2318A	1003	Quân	4,2	Quân	3,9	4,1	6,6	5,1	
6	2123040006	Thạch Ngọc	Sơn	25/09/2004	CCQ2304A	1002	Sơn	5,4	Sơn	6,4	5,9	9	7,1	
7	2123050230	Trịnh Công	Sơn	11/10/2005	CCQ2305E							0		
8	2123040012	Trần Nhật	Tài	26/03/2005	CCQ2304A	1002	Trần	8,9	Trần	8,8	8,9	9,6	9,2	
9	2123170532	Trần Chí	Tâm	07/11/2005	CCQ23170							8,6		
10	2123040004	Bùi Thanh	Tân	02/10/2005	CCQ2304A	1002	Bùi	6,4	Bùi	3,6	5,0	7,8	6,1	
11	2123170531	Nguyễn Ngọc	Thắng	18/11/2005	CCQ23170	1001	Ngọc	4,6	Ngọc	4,2	4,4	7,5	5,6	
12	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1002	Vũ	6,4	Vũ	4,7	5,6	8,3	6,7	
13	2123040019	Võ Trường	Thành	03/06/2005	CCQ2304A	1001	Võ	4,9	Võ	3,1	4,0	5,1	4,4	
14	2123100124	Trần Thị Thanh	Thảo	08/07/2005	CCQ2310D	1002	Thị	7,2	Thị	5,9	6,6	7,5	7,0	
15	2123170514	Phan Hữu	Thị	27/01/2005	CCQ23170	1001	Phan	7,0	Phan	6,7	6,9	8,7	7,6	
16	2123040013	Nguyễn Văn	Thông	10/09/2005	CCQ2304A	1002	Nguyễn	2,4			00	4,5	00	
17	2123040072	Đỗ Anh	Thương	24/09/2005	CCQ2304A	1001	Đỗ	9,7	Đỗ	8,7	9,2	8,7	9,0	
18	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E							0		

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400413)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B209

Số SV có mặt: 79

Số bài thi: 79

Số tờ giấy thi: 79

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: DS-28 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123170506	Ngô Vinh	Toàn	16/04/2005	CCQ23170									
20	2122120390	Nguyễn Hiền	Trang	15/10/2004	CCQ22121							0		
21	2122030110	Đoàn Lê Thiên	Triết	22/08/2004	CCQ2203H	1004	Tiến	2,9	Tiến	3,3	3,1	7,7	4,9	
22	2123180065	Nguyễn Thanh	Tú	05/11/2005	CCQ2318B	1004	Đu	3,3	Đu	6,2	4,8	5,3	5,0	
23	2122100153	Phạm Thị Hồng	Vân	03/12/2003	CCQ2210B							7		
24	2123180007	Huỳnh Anh	Việt	04/01/2005	CCQ2318A	1004		5,0		8,9	7,0	8,4	7,6	
25	2123230001	Lê Thanh	Vỹ	25/10/2005	CCQ2323A	1003		7,4		4,5	5,8	7,7	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

H: 4
D: 18

(66)

C.Thủy

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400412)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B301

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123140050	Hồ Nguyễn Đức	Quyên	07/09/2005	CCQ2314B							6,4	2,6	
2	2123170463	Thái Minh	Sang	12/05/2005	CCQ2317N	1002	Sang	4,2	Sang	3,0	3,6	6,6	4,8	
3	2123170550	Đoàn Quang	Sinh	02/03/2005	CCQ2317P	1004	Sinh	3,9	Sinh	3,4	3,7	7,8	5,3	
4	2123170570	Vô Phú	Tài	21/06/2005	CCQ2317P	1001	Tài	5,2	Tài	6,5	5,9	8,5	6,9	
5	2123170568	Ngô Đức	Thắng	12/10/2005	CCQ2317P	1002		2,6		3,4	3,0	7,9	5,0	
6	2123170366	Nguyễn Ngọc	Thắng	11/11/2005	CCQ2317K	1003		4,0		3,6	3,8	8,1	5,5	
7	2123170458	Đinh Công	Thanh	16/09/2005	CCQ2317M	1001		5,6		5,5	5,6	8,4	6,7	
8	2123170369	Nguyễn Đình	Thành	21/07/2005	CCQ2317K	1002		3,0		0	1,5	7,9	4,1	
9	2123170415	Nguyễn Minh	Thiên	04/11/2005	CCQ2317L	1003		4,0		3,0	3,5	6,8	4,8	
10	2123170449	Phan Phạm Quốc	Thịnh	27/05/2005	CCQ2317M	1004		5,1		4,4	4,8	8,3	6,2	
11	2123170359	Nguyễn Thanh	Thoáng	19/04/2005	CCQ2317K	1001		4,3		2,0	3,2	8,8	5,4	
12	2123170560	Nguyễn Nhật	Tiến	19/06/2005	CCQ2317P								0	
13	2123170482	Nguyễn Trung	Tin	28/02/2005	CCQ2317N	1004	Tin	5,4	Tin	7,9	6,7	8,7	7,5	
14	2123170562	Phạm Chí	Tinh	15/09/2005	CCQ2317P	1002		7,9		8,5	8,2	8,9	8,5	
15	2123170508	Trương Thiết	Trị	15/12/2004	CCQ2317O	1001	Tm	2,4	Tm	2,1	2,3	7,4	4,3	
16	2123170416	Nguyễn Minh	Trúc	16/06/2005	CCQ2317L	1003		5,9		5,5	5,7	6,6	6,1	
17	2123310053	Vô Quốc	Trưởng	26/11/2005	CCQ2331B							0	0	
18	2121170384	Trịnh Hoài	Tú	04/10/2003	CCQ2117K	1001		5,4	Tú	0,2	2,8	6,9	4,4	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

66

C.Thủy

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400412)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B301

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Trần Văn Sơn

Chu Phú M

Ms. Trần Thị Di Hương

Đỗ TT Thủy

Cải Minh Thuận

Phạm Thanh Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123170483	Huỳnh Công	Tuấn	18/08/2005	CCQ2317N	1001	Tuấn	4,9	Tuấn	3,2	4,1	7,5	5,5	
20	2123170377	Lê Văn	Tuấn	21/02/2005	CCQ2317K	1003	Lê Văn	4,3	Lê Văn	4,9	4,6	8	6,0	
21	2123170533	Nguyễn Trung	Việt	11/10/2005	CCQ2317O	1001	Việt	3,8	Việt	4,7	4,3	8,5	6,0	
22	2123170414	Lê Xuân	Vinh	04/09/2005	CCQ2317L	1004	Vinh	5,0	Vinh	7,8	6,4	8,4	7,2	
23	2123170363	Lê Quang	Vương	18/08/2005	CCQ2317K	1002	Vương	4,7	Vương	4,8	4,8	8,7	6,4	
24	2123170505	Vô Thiện	Vương	06/11/2005	CCQ2317O	1004	Vô Thiện	5,9	Vô Thiện	6,0	6,0	8,7	7,1	
25	2123170470	Hồ Thế	Vỹ	31/03/2005	CCQ2317N	1004	Vỹ	5,1	Vỹ	6,5	5,8	8,2	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

67

C. Hương

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B302

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

D: 10

H: 06

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123140020	Trần Văn	Khánh	06/08/2005	CCQ2314A							4,2	1,7	
2	2123140051	Mai Lê Tấn	Khuong	07/06/2005	CCQ2314A							0	Cán thi	
3	2123030067	Nguyễn Văn	Lợi	10/12/2005	CCQ2303B	1004	Như	7,0	Như	6,2	6,6	5,9	6,3	
4	2123030011	Trần Nhật	Long	08/05/2005	CCQ2303A	1003	Long	8,0	Long	7,6	7,8	9,2	8,4	
5	2123030026	Trần Ngọc	Lực	30/11/2004	CCQ2303A	1002	Lực	3,7	Lực	2,5	3,1	6,6	4,5	
6	2123140042	Văn Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A							3,3	1,3	
7	2123030182	Trần Phương	Nam	01/04/2005	CCQ2303F	1003	Nam	5,2	Nam	7,3	6,3	4,8	5,7	
8	2123030041	Văn Thế	Nghi	05/06/2004	CCQ2303B							2,7	1,1	
9	2123030042	Lý Trọng	Nghĩa	08/12/2005	CCQ2303B	1001	Nghĩa	5,7	Nghĩa	6,4	6,1	7,7	6,7	
10	2123030053	Nguyễn Trọng	Nghĩa	02/10/2005	CCQ2303B	1002	Trọng	6,1	Trọng	5,6	5,9	6,4	6,1	
11	2123030048	Nguyễn Thành	Nhân	24/06/2005	CCQ2303B	1003	Nhân	6,0	Nhân	4,0	5,0	8,2	6,3	
12	2123030058	Nguyễn Thành	Nhân	20/05/2005	CCQ2303B							1,8	0,7	
13	2123030062	Phan Thành	Phát	12/09/2005	CCQ2303B	1004	Phát	5,2	Phát	3,3	4,3	7,2	5,5	
14	2123030024	Châu Đông	Phú	02/08/2005	CCQ2303A							1,6	0,6	
15	2123140003	Nguyễn Phạm Thánh	Phúc	07/09/2005	CCQ2314A	1004	Phúc	4,1	Phúc	4,1	4,1	5,3	4,6	
16	2123140041	Lê Hồng	Quân	16/07/2005	CCQ2314A							3,8	1,5	
17	2123030176	Lê Công	Quyển	14/08/2005	CCQ2303E	1001	Quyển	6,3	Quyển	3,8	5,1	3,8	4,6	
18	2123030033	Phan Nguyễn Quan	Tâm	29/12/2004	CCQ2303A	1003	Quan	5,4	Quan	2,4	3,9	4,9	4,3	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

(67)

C. Hương

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

[Signature]
P. V. Sơn

[Signature]
Đ. Văn Dũng

[Signature]
Đ. Thị Thanh Huyền

[Signature]
H. Hương

[Signature]
Th. Hương

[Signature]
M. Thị Hương

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B302

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 1.0

Số tờ giấy thi: 1.0

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123030056	Trương Quang	Tây	18/02/2005	CCQ2303B							0	Cẩn thi	
20	2123110485	Nguyễn Văn	Thắng	13/02/2005	CCQ2311M	1002	<i>[Signature]</i>	5.0	<i>[Signature]</i>	2.8	3.9	7.4	5.3	
21	2123030040	Bùi Ngọc	Tiến	28/08/2004	CCQ2303B							1.9	0.8	
22	2123140029	Trần Hồ Trung	Tin	05/05/2005	CCQ2314A							0.8	0.3	
23	2123200200	Hồ Nguyễn Bảo	Trần	10/03/2005	CCQ2320C							3.3	1.3	
24	2123100101	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	CCQ2310C	1001	<i>[Signature]</i>	7.5	<i>[Signature]</i>	6.5	7.0	9.2	7.9	
25	2123140017	Trần Hữu	Tri	19/12/2005	CCQ2314A							3.9	1.6	
26	2123030211	Hồ Chin	Triệu	08/10/2005	CCQ2303F							3.1	1.2	
27	2123140035	Hấp Minh	Truyền	17/11/2005	CCQ2314A	1004	<i>[Signature]</i>	6.5	<i>[Signature]</i>	3.5	5.0	4	4.6	
28	2123140004	Hoàng Quang	Vinh	23/08/2005	CCQ2314A	1001	<i>[Signature]</i>	5.1	<i>[Signature]</i>	4.2	4.7	2.6	3.9	
29	2123140032	Nguyễn Phước	Xuyên	14/06/2005	CCQ2314A	1002	<i>[Signature]</i>	4.3	<i>[Signature]</i>	4.8	4.6	6.2	5.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ I (2024-2025)

A: 19
H: 03

(68)

C. Văn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B303

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D6-33 Số tờ giấy thi:

Hồ Đức Lợi

Lưu T. Xuân

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Trần T. Đức

Ng. Hà Thanh Vân

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110114	Nguyễn Văn	Nhật	27/12/2005	CCQ2311D	1002	Nhật	5,3	Nhật	7,1	6,2	8,1	7,0	
2	2123030088	Nguyễn Tấn	Phát	25/09/2005	CCQ2303C	1003	Phát	4,5	Phát	6,6	5,6	7,4	6,3	
3	2121170461	Lê Văn	Phi	02/02/2003	CCQ2117N						/	3	/	
4	2123110142	Trần Trọng	Phúc	05/12/2005	CCQ2311D	1001	Phúc	5,5	Phúc	8,2	6,9	8,5	7,5	
5	2121110184	Phạm Văn	Phước	17/11/2002	CCQ2111F						/	2,4	/	
6	2123030161	Huỳnh Mạnh	Quân	09/12/2005	CCQ2303E	1003	Quân	5,3	Quân	1,9	3,6	5	4,2	*
7	2121110282	Vô Nhật	Quang	19/09/2003	CCQ2112R						/	0		
8	2121170533	Trương Tấn	Tài	26/02/2003	CCQ2117P	1001	Tài	4,3	Tài	3,1	3,7	5,4	4,4	*
9	2121050054	Đàng Đức	Tân	17/06/2003	CCQ2105B	1002	Tân	4,6	Tân	4,9	4,8	5,5	5,1	
10	2123030210	Phạm	Thái	11/07/2003	CCQ2303D	1003	Thái	6,4	Thái	7,7	7,1	8,4	7,6	
11	2123030219	Nguyễn Thanh	Thảo	15/06/2005	CCQ2303F	1004	Thảo	5,0	Thảo	5,9	5,5	7,1	6,1	
12	2123110490	Đỗ Thị Mỹ	Thi	21/11/2005	CCQ2311M	1001	Thi	7,3	Thi	8,1	7,7	8,4	8,0	
13	2123110126	Nguyễn Tấn	Thiện	12/03/2005	CCQ2311D	1002	Thiện	6,8	Thiện	6,8	6,8	7,9	7,2	
14	2123110078	Nguyễn Mậu	Thơ	13/05/2005	CCQ2311C	1003	Thơ	3,0	Thơ	5,8	4,4	5,9	5,0	
15	2123030155	Hà Đức	Thuận	07/05/2005	CCQ2303E							0		
16	2121110171	Trần Thanh	Thương	11/05/2003	CCQ2111E	1009	Thương	6,6	Thương	8,1	7,4	6,1	6,9	
17	2123030196	Đinh Quang	Thường	17/06/2005	CCQ2303F						/	3,2	/	
18	2123110015	Trương Quốc	Toàn	12/07/2005	CCQ2311A	1002	Toàn	7,1	Toàn	7,3	7,2	7,3	7,2	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

[Signature]
Hò Văn Lợi

[Signature]
Luu T. Xuan

[Signature]
Nguyễn Thị Tuấn

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh Vân

[Signature]
Phan T. Hu

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh Vân

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B303

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 20/02/2025 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D6-33 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2122260050	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30/07/2004	CCQ2226B	1003	<i>[Signature]</i>	4,7	<i>[Signature]</i>	5,7	5,2	7,7	6,2	
20	2123110466	Nguyễn Khắc	Triệu	21/05/2004	CCQ2311D	1004	<i>[Signature]</i>	5,9	<i>[Signature]</i>	6,8	6,4	8,2	7,1	
21	2123030218	Hồ Đức	Trọng	02/10/2005	CCQ2303F	1001	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	6,9	6,1	8,2	6,9	
22	2123030179	Nguyễn Nhật	Trương	23/05/2005	CCQ2303E	1004	<i>[Signature]</i>	5,1	<i>[Signature]</i>	5,8	5,5	6,3	5,8	
23	2123170591	Quang Văn	Trương	10/12/2005	CCQ2311D	1003	<i>[Signature]</i>	4,9	<i>[Signature]</i>	6,4	5,7	6,8	6,1	
24	2121150064	Nguyễn Đình	Tú	09/09/2002	CCQ2115B						/	4,8	/	
25	2123030215	Nguyễn Thanh	Tuấn	12/04/2005	CCQ2303E	1002	<i>[Signature]</i>	5,9	<i>[Signature]</i>	7,7	6,8	9,2	7,8	
26	2123030151	Trần Anh	Tuấn	14/02/2005	CCQ2303E	1002	<i>[Signature]</i>	4,7	<i>[Signature]</i>	4,3	4,5	7,3	5,6	
27	2121260087	Phan Vinh	Tường	16/04/2002	CCQ2122A	1001	<i>[Signature]</i>	7,1	<i>[Signature]</i>	6,6	6,9	8,8	7,7	
28	2123030184	Đổng Duy	Tuyền	07/01/2004	CCQ2303F	1004	<i>[Signature]</i>	2,6	<i>[Signature]</i>	6,1	4,4	3,3	4,0	*
29	2123110511	Đoàn Như	Ý	17/06/2005	CCQ2311M							0	/	